

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Hà Nội, tháng 03 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, P. Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, P. Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường cao tốc Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2017 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Thái Hòa	Chủ tịch	
Ông Trương Hùng Sơn	Ủy viên	
Ông Nguyễn Quang Bảo	Ủy viên	
Bà Trần Thị Thu Hương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2017
Ông Nguyễn Quang Vinh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2017

Ban Kiểm soát

Vũ Thị Bích Hạnh	Trưởng Ban
Nguyễn Thị Minh Thoa	Thành viên
Nguyễn Hữu Thành	Thành viên
Lê Nguyễn Thùy Giang	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Bùi Thái Hòa	Giám đốc
Ông Phạm Thái Long	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Tiên Phong	Phó Giám đốc
Bà Trần Thị Thu Hương	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Xuân Hoàng.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



Bùi Thái Hòa
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018



Số: 93 /2018/ UHY - BCKTDL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường cao tốc Việt Nam**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường cao tốc Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 15/03/2018, từ trang 06 đến trang 35 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 7 - Thuyết minh Báo cáo tài chính, số dư khoản mục phải thu Ông Bảo Việt Trung và Bà Đoàn Lệ Hoa là: 4.366.335.634 đồng là số tiền phát sinh từ hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng số 01-2012/11DCTVN-HDB ngày 20/11/2011 và Phụ lục hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng số 05-2012/DCTVN- HDB ngày 21/05/2015 tại Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh - Phòng giao dịch Trần Hưng Đạo (trong đó, khoản gốc tiền gửi là: 3.600.000.000 đồng và số tiền lãi dự thu đến ngày 31/12/2014 là 766.335.634 đồng). Sau đó, Ngân hàng đã có văn bản khẳng định Công ty không có khoản tiền gửi 3.600.000.000 đồng trong tài khoản thanh toán để thực hiện nghĩa vụ trong Phụ lục hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn nêu trên. Ngày 15/01/2016, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua Nghị quyết số 01/NQ- HĐQT-VECS về việc chuyển số tiền trên từ khoản phải thu Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP HCM - Phòng giao dịch Trần Hưng Đạo sang nghĩa vụ, trách nhiệm của Ông Bảo Việt Trung - nguyên Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Công ty và Bà Đoàn Lệ Hoa - nguyên Trưởng phòng Tài chính kế toán, yêu cầu Ông Trung và Bà Hoa phải cam kết về thời hạn thu hồi khoản tiền này cho Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Đến nay, Công ty đang phối hợp với các Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hà Nội để điều tra xử lý vụ việc theo thẩm quyền. Tuy nhiên, hiện vẫn chưa có kết luận cuối cùng của Cơ quan điều tra về kết quả xử lý vụ việc. Do đó, chúng tôi không đánh giá được khả năng thu hồi của khoản công nợ nêu trên.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 8 - Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2017, một số khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán với tổng số tiền là 12.522.495.751 đồng chưa được Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Đây là các khoản nợ phải thu khó đòi thuộc diện phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với mức trích lập 100% giá trị theo quy định hiện hành.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường cao tốc Việt Nam tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Tự Trung
Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1226-2018-112-1
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Anh Tuấn
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3974-2017-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		109.628.133.662	98.836.023.051
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.262.858.853	10.446.421.979
Tiền	111		4.262.858.853	446.421.979
Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	27.000.000.000	23.900.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		27.000.000.000	23.900.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.647.281.621	47.563.253.178
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	41.335.316.838	18.994.732.780
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.734.132.418	2.550.580.536
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	23.296.738.233	30.736.845.730
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(4.718.905.868)	(4.718.905.868)
Hàng tồn kho	140	10	16.426.370.494	16.406.702.885
Hàng tồn kho	141		16.426.370.494	16.406.702.885
Tài sản ngắn hạn khác	150		291.622.694	519.645.009
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	291.622.694	307.270.770
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	-	212.374.239
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		27.493.252.312	21.280.120.062
Các khoản phải thu dài hạn	210		4.919.064.464	4.956.549.464
Phải thu dài hạn khác	216	7	4.919.064.464	4.956.549.464
Tài sản cố định	220		12.248.279.601	11.929.090.295
Tài sản cố định hữu hình	221	11	12.248.279.601	11.929.090.295
- Nguyên giá	222		22.934.752.179	22.121.581.816
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.686.472.578)	(10.192.491.521)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.014.769.905	2.090.121.269
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	3.014.769.905	2.090.121.269
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	5.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		5.000.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		2.311.138.342	2.304.359.034
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	2.311.138.342	2.304.359.034
TỔNG TÀI SẢN	270		137.121.385.974	120.116.143.113

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		40.391.294.248	23.796.302.780
Nợ ngắn hạn	310		40.391.294.248	23.796.302.780
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	31.496.150.700	5.706.232.988
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.900.000.000	7.358.282.686
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	2.048.993.698	337.808.436
Phải trả người lao động	314		3.001.084.005	2.103.215.165
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	725.080.820	1.058.753.952
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		135.000.006	579.545.455
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	804.571.925	354.359.992
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	-	6.065.034.504
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		280.413.094	233.069.602
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		96.730.091.726	96.319.840.333
Vốn chủ sở hữu	410	18	96.730.091.726	96.319.840.333
Vốn góp của chủ sở hữu	411		89.372.500.000	89.372.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		89.372.500.000	89.372.500.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		900.534.341	900.534.341
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.457.057.385	6.046.805.992
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		6.457.057.385	6.046.805.992
TỔNG NGUỒN VỐN	440		137.121.385.974	120.116.143.113



Bùi Thái Hòa
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018

hanh
Nguyễn Xuân Hoàng
Kế toán trưởng

JHB
Phạm Thị Hiền
Người lập

CÔNG TY CP DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy,
P. Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã Thuyết		Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
	số	minh		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	119.374.522.070	70.016.495.061
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		119.374.522.070	70.016.495.061
Giá vốn hàng bán	11	20	106.130.703.264	59.329.551.828
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.243.818.806	10.686.943.233
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	2.220.782.000	2.724.671.114
Chi phí tài chính	22	22	65.818.077	47.413.895
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		65.818.077	47.413.895
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	6.915.757.741	5.798.602.538
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.483.024.988	7.565.597.914
Thu nhập khác	31	24	3.454.545	1.909.576
Chi phí khác	32	25	303.380.694	-
Lợi nhuận khác	40		(299.926.149)	1.909.576
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.183.098.839	7.567.507.490
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	1.726.041.454	1.520.701.498
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.457.057.385	6.046.805.992
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	722	650

Bùi Thái Hòa
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Xuân Hoàng
Kế toán trưởng

Phạm Thị Hiền
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	8.183.098.839	7.567.507.490
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	493.981.057	911.081.083
Lãi/lỗ hoạt động đầu tư	05	(2.220.782.000)	(5.823.750.395)
Chi phí lãi vay	06	65.818.077	47.413.895
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.522.115.973	2.702.252.073
Tăng/giảm các khoản phải thu	09	(13.834.169.204)	12.177.895.974
Tăng/giảm hàng tồn kho	10	(19.667.609)	(9.014.254.984)
Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	20.768.211.446	(25.667.249.416)
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	8.868.768	(1.440.835.213)
Tiền lãi vay đã trả	14	(65.818.077)	(47.413.895)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(649.049.795)	(2.261.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(190.250.000)	(35.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	12.540.241.502	(23.586.005.461)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.737.818.999)	(1.788.705.454)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(38.500.000.000)	(29.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	30.400.000.000	46.149.098.800
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.220.782.000	434.019.110
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.617.036.999)	15.794.412.456
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	12.077.054.151	17.997.213.858
Tiền trả nợ gốc vay	34	(18.142.088.655)	(11.932.179.354)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.041.733.125)	(5.224.189.903)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(11.106.767.629)	840.844.601
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(6.183.563.126)	(6.950.748.404)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 4	10.446.421.979	17.397.170.383
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 4	4.262.858.853	10.446.421.979



Bùi Thái Hòa
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Xuân Hoàng
Kế toán trưởng

Phạm Thị Hiền
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường Cao tốc Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103022798 ngày 07/03/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thay đổi thứ 14 ngày 26 tháng 10 năm 2017, mã số doanh nghiệp 0102680481.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 89.372.500.000 đồng.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Bùi Thái Hòa, sinh ngày 12/09/1978, quốc tịch Việt Nam, chứng minh nhân dân số 013303717 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 12/06/2010, chức vụ là Giám đốc.

Tại ngày 31/12/2017 số lượng cán bộ công nhân viên của Công ty là 252 người, tại ngày 31/12/2016 là 248 người.

Địa chỉ Công ty: Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh và hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Buôn bán, cho thuê máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Buôn bán sắt, thép, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Xây dựng nhà các loại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt, hoàn thiện công trình xây dựng;
- Khai thác, xử lý cung cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
- Dịch vụ quảng cáo;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Điều hành tua du lịch;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán. Các số liệu này hoàn toàn có thể so sánh được với số liệu trong Báo cáo tài chính năm nay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.2 Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả, khoản vay tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 về Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể khó thu hồi do khách nợ mất khả năng thanh toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị hàng tồn kho xuất trong kỳ được xác định theo phương pháp Nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.6 Tài sản cố định và hao mòn**

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Tài sản cố định hữu hình	
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 15
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 5
Tài sản cố định khác	5 - 15

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào thời gian ước tính đem lại lợi ích kinh tế cho Công ty và thời gian phân bổ không quá 03 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.9 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp, không ghi nhận theo số cam kết, số phải thu của các chủ sở hữu. Khi nhà đầu tư góp vốn bằng ngoại tệ theo tiến độ, Công ty sẽ áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại từng thời điểm thực góp để quy đổi ra Đồng Việt Nam và ghi nhận vào vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần (nếu có).

Trường hợp nhận vốn góp bằng tài sản thì phản ánh tăng Vốn đầu tư của chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận.

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, được phản ánh chi tiết theo hai chỉ tiêu riêng như sau: Vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi. Còn thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ).

3.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.11 Ghi nhận giá vốn**

Chi phí kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán. Giá vốn dịch vụ được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong năm tài chính.

3.12 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

3.13 Thuế

Thuế giá trị gia tăng (VAT):

Thuế GTGT đầu vào được kê khai và hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành là 20%.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.14 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.15 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng và các khoản phải thu ngắn hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ ngắn hạn, chi phí phải trả và phải trả phải nộp khác.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	309.086.265	280.000.048
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.953.772.588	166.421.931
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
	4.262.858.853	10.446.421.979

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	27.000.000.000	27.000.000.000	23.900.000.000	23.900.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn	27.000.000.000	27.000.000.000	23.900.000.000	23.900.000.000
Dài hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
+ Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
	32.000.000.000	32.000.000.000	23.900.000.000	23.900.000.000

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	-	9.540.046.773
- Công ty CP Thiết bị Giao thông vận tải Vietraco	2.552.550.000	2.952.550.000
- Công ty TNHH Tư vấn thiết kế xây dựng và Thương mại TLC	2.299.310.959	2.299.310.959
- Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường Quảng Tây	3.282.869.121	-
- Tổng Cty CP XNK và xây dựng Việt Nam (VINACONEX)	13.904.030.859	-
- Tổng công ty xây dựng số 1-TNHH một thành viên	15.744.543.400	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	3.552.012.499	4.202.825.048
	41.335.316.838	18.994.732.780
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	9.540.046.773
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường cao tốc Việt Nam	-	9.540.046.773

Tại thời điểm 31/12/2017, phải thu khách hàng tăng lên so với ngày 01/01/2017 do khoản phải thu về thi công dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi: phải thu Tổng công ty CP XNK và xây dựng Việt Nam (Vinaconex) thi công gói thầu 13A và phải thu Tổng công ty xây dựng số 1 - TNHH một thành viên (CCI) thi công gói thầu A1.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, P. Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***7. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	23.296.738.233	(3.199.777.778)	30.736.845.730	(3.199.777.778)
- Tạm ứng	3.322.391.712	-	5.310.193.099	-
- Bảo hiểm xã hội nộp thừa	1.203.170	-	-	-
- Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.024.736.667	-	804.140.278	-
- Công ty CP Chứng khoán Trảng An (*)	3.199.777.778	(3.199.777.778)	3.199.777.778	(3.199.777.778)
- Phải thu Doanh thu trích trước (**)	11.379.870.386	-	17.053.976.055	-
- Phải thu Ông Bảo Việt Trung và Bà Đoàn Lệ Hoa (***)	4.366.335.634	-	4.366.335.634	-
- Phải thu khác	2.422.886	-	2.422.886	-
Dài hạn	4.919.064.464	-	4.956.549.464	-
- Phải thu về hợp tác kinh doanh	4.873.849.100	-	4.873.849.100	-
<i>Công ty CP Khoáng sản XD Bắc Trung Nam</i>	<i>3.873.849.100</i>	<i>-</i>	<i>3.873.849.100</i>	<i>-</i>
<i>Công ty CP Tập Đoàn K-MS</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>-</i>
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	45.215.364	-	82.700.364	-
	28.215.802.697	(3.199.777.778)	35.693.395.194	(3.199.777.778)

(*) Là khoản tiền chuyển nhượng 15.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Fortika Trung Yên theo hợp đồng số 27122011/HĐCNCP/DCT-TAS kí kết giữa Công ty và Công ty Cổ phần Chứng khoán Trảng An. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Chứng khoán Trảng An không chuyển nhượng cổ phần theo điều khoản hợp đồng. Công ty Cổ phần Chứng khoán Trảng An đã phá sản. Công ty đã kiện Công ty Cổ phần Chứng khoán Trảng An ra Tòa để thu hồi khoản công nợ này, tuy nhiên, đến nay vẫn không thu hồi được.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, P. Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)

(**) Là khoản phải thu phát sinh khi Công ty thực hiện trích trước doanh thu về các khối lượng công việc hoàn thành trong Quý 4/2017, Quý 4/2016 và Quý 4/2015 tương ứng. Đối với doanh thu công tác vận hành bảo trì đường cao tốc với Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam, Công ty đang tạm trích trước bằng 97% theo giá trị hồ sơ trình Tổng Công ty chờ phê duyệt.

(***) Tại ngày 31/12/2016, số dư khoản mục phải thu Ông Bảo Việt Trung và Bà Đoàn Lệ Hoa là: 4.366.335.634 đồng. Đây là số tiền phát sinh từ hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng số 01-2012/11DCTVN-HDB ngày 20/11/2011 và Phụ lục hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 05-2012/DCTVN-HDB ngày 21/05/2015 tại Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh - Phòng giao dịch Trần Hưng Đạo; trong đó, khoản gốc tiền gửi là: 3.600.000.000 đồng, lãi suất 12%/năm và số tiền lãi dự thu đến ngày 31/12/2014 là 766.335.634 đồng. Ngày 06/07/2015, Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hoàn Kiếm có công văn số 102/2015/CV-CNHK phúc đáp Công văn số 121/CV-VECS-TCKT của Công ty yêu cầu tái toán hợp đồng tiền gửi trên. Trong nội dung Công văn, Ngân hàng kháng định ngày 21/05/2012, Công ty không có khoản tiền 3.600.000.000 đồng được chuyển về tài khoản thanh toán của Công ty để thực hiện nghĩa vụ chuyển tiền của Phụ lục tiền gửi số 05-2012/DCTVN-HDB. Do vậy, Phụ lục hợp đồng số 05-2012/DCTVN-HDB ký giữa 2 bên cũng không có hiệu lực thi hành. Công ty đã thực hiện gửi Công văn số 122/CV-VECS-TCKT và Công văn số 03/CV-VECS đề nghị Cục An ninh tài chính tiền tệ và đầu tư (A84) - Tổng cục An ninh - Bộ Công an giúp đỡ làm rõ và thu hồi số tiền gửi trên. Ngày 15/01/2016, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT-VECS về việc chuyển số tiền trên phải thu Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP HCM - Phòng giao dịch Trần Hưng Đạo sang nghĩa vụ, trách nhiệm của Ông Bảo Việt Trung - nguyên Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Công ty và Bà Đoàn Lệ Hoa - nguyên Trưởng phòng Tài chính kế toán, yêu cầu Ông Trung và Bà Hoa phải cam kết về thời hạn thu hồi cho Công ty. Ngày 02/02/2016, Cục An ninh tài chính tiền tệ đã có văn bản số 294/A84(P4) thông báo cho VECS thời gian tới A84 sẽ chuyển vụ việc cho cơ quan điều tra xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 28/09/2016, Cục An ninh tài chính tiền tệ có văn bản 2301/A84-P4 chuyển hồ sơ vụ việc cho Công an Hà Nội điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 21/10/2016, Cơ quan an ninh điều tra - Công an Hà Nội có văn bản số 2413/ANDT-P4 gửi Vecs nêu ra sự vụ và đề nghị cung cấp thêm thông tin, tài liệu phục vụ công tác điều tra.

Ngày 01/11/2016, Vecs đã phúc đáp công văn 2413/ANDT-P4 gửi kèm theo tài liệu theo yêu cầu.

Ngày 10/01/2017, Cán bộ điều tra Công an Hà Nội (PA92) đã làm việc với VECS và đề nghị cung cấp bổ sung các tài liệu để xác minh làm rõ vụ việc. VECS đã cung cấp theo yêu cầu của PA92.

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty đã nhận được 2 văn bản: văn bản số 2252/ANDT-Đ4 ngày 09/11/2017 và 28/ANDT-Đ4 ngày 21/2/2018 của Cơ quan an ninh điều tra - Công an HN. Hiện tại vụ việc đang trong quá trình điều tra, chưa có kết luận của Cơ quan điều tra.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, P. Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***8. NỢ XẤU**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
	VND		VND	
Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	17.241.401.619	(4.718.905.868)	17.661.401.619	(4.718.905.868)
- Công ty CP Chứng khoán Tràng An	3.199.777.778	(3.199.777.778)	3.199.777.778	(3.199.777.778)
- Bảo Việt Trung & Đoàn Lệ Hoa	4.366.335.634	-	4.366.335.634	-
- Công ty luật Trách nhiệm hữu hạn NHB	25.000.000	-	25.000.000	-
- Công ty TNHH Thương mại Như Nguyễn	78.262.500	-	78.262.500	-
- Công ty CP Sản xuất kinh doanh Vật liệu xây dựng Phúc Minh	1.454.828.918	(1.454.828.918)	1.454.828.918	(1.454.828.918)
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Thương mại TLC (*)	2.299.310.959	-	2.299.310.959	-
- Công ty CP Phát triển hạ tầng & BĐS Thái Bình Dương	1.131.104.236	-	1.131.104.236	-
- Công ty CP TBGTVT Vietraco	2.552.550.000	-	2.952.550.000	-
- Công ty TNHH Quảng cáo Truyền thông và Thương mại AT (**)	1.944.300.000	-	1.964.300.000	-
- Công ty CPXD Toàn Việt	68.118.908	-	68.118.908	-
- Công ty TNHH một thành viên 319.5	121.812.686	(64.299.172)	121.812.686	(64.299.172)
	17.241.401.619	(4.718.905.868)	17.661.401.619	(4.718.905.868)

(*) Công ty đã ký hợp đồng thuê tư vấn luật khởi kiện Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Thương mại TLC nhằm thu hồi khoản công nợ này. Ngày 29/9/2017 Tòa án nhân dân Q. Hoàn Kiếm đã có Quyết định số 09/2017/QĐST-KDTM công nhận sự thỏa thuận của các đương sự trả nợ trong vòng 90 ngày. Hết 90 ngày, phía TLC chưa trả nợ, đến ngày 31/01/2018 VECS đã có văn bản gửi Chi cục Thi hành án Q. Hoàn Kiếm đề nghị thi hành án đối với TLC.

(**) Công ty đang nỗ lực thực hiện các biện pháp thu hồi công nợ. Trong năm 2017, đã thu hồi được 20.000.000 đồng của Công ty Quảng cáo Truyền thông và Thương mại AT.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	291.622.694	307.270.770
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	81.120.172	153.520.634
- Chi phí thuê văn phòng	204.509.299	153.750.136
- Chi phí sửa chữa văn phòng	5.993.223	-
Dài hạn	2.311.138.342	2.304.359.034
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	461.680.486	475.043.280
- Phí Bảo lãnh ngân hàng	75.178.854	30.400.000
- Phân bổ chi phí san lấp mặt bằng mỏ Núi Cốc	1.532.443.457	1.532.443.457
- Công trình Biển quảng cáo Nội Bài - Lào Cai	216.001.288	240.638.040
- Công trình Biển quảng cáo Long Thành - Dầu Giấy	25.834.257	25.834.257
	2.602.761.036	2.611.629.804

CÔNG TY CP DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, P. Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***10. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.426.370.494	-	16.406.702.885	-
- <i>Giá trị hàng mục Cầu Giẽ - Ninh Bình (*)</i>	6.885.175.173	-	6.885.175.173	-
- <i>Tổ chức công tác VHBT tuyến Đà Nẵng - Quảng Ngãi từ Km 0 đến Km 65</i>	415.747.289	-	-	-
- <i>Hạng mục Trạm dịch vụ Km67 tuyến Đà Nẵng - Quảng Ngãi</i>	6.222.664.065	-	3.277.228.209	-
- <i>Giá trị hàng mục Đàm bảo an toàn giao thông (Quảng Tây)</i>	1.947.383.592	-	6.222.181.503	-
- <i>Công trình hoạt động 7 CT Đà Nẵng - Quảng Ngãi</i>	15.702.364	-	-	-
- <i>Xây dựng Trạm Dịch vụ Bắc Quảng Ngãi</i>	861.024.011	-	-	-
- <i>Hạng mục thu phí cầu Thái Hà (tỉnh Thái Bình)</i>	78.674.000	-	22.118.000	-
	16.426.370.494	-	16.406.702.885	-

(*) Là chi phí thực hiện san lấp tạo mặt bằng tránh người dân tái chiếm để đảm bảo tiến độ đầu tư Trạm dừng nghỉ tại Cầu Giẽ - Ninh Bình phát sinh từ năm 2013. Dự án do Công ty Hanshin E&C làm chủ đầu tư và kết hợp với VECS để thực hiện. Tuy nhiên, ngày 16/07/2013 Công ty Hanshin E&C xin rút khỏi dự án. Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường cao tốc Việt Nam chọn nhà đầu tư khác để đảm bảo tiến độ đầu tư Trạm dừng nghỉ. Ngày 25/06/2015, Công ty đã có Báo cáo số 120/BC-VECS gửi Tổng Công ty kiến nghị được thanh toán phần chi phí trên, đồng thời gửi Báo cáo số 4229/BC-VECS cho Hội đồng Thành viên Tổng Công ty kiến nghị thanh toán cho Công ty phần khối lượng đã thực hiện tại trạm dịch vụ Cầu Giẽ - Ninh Bình. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo này, Hội đồng thành viên Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình nghiên cứu phương án xử lý và chưa có phân hồi chính thức bằng văn bản cho Công ty.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, P. Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCD HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2017	15.195.244.504	593.630.364	4.601.277.220	78.656.217	1.652.773.511	22.121.581.816
- Mua trong năm	-	-	813.170.363	-	-	813.170.363
31/12/2017	15.195.244.504	593.630.364	5.414.447.583	78.656.217	1.652.773.511	22.934.752.179
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2017	6.148.842.892	336.795.897	2.313.329.162	78.656.217	1.314.867.353	10.192.491.521
- Khấu hao trong năm (*)	-	-	493.981.057	-	-	493.981.057
31/12/2017	6.148.842.892	336.795.897	2.807.310.219	78.656.217	1.314.867.353	10.686.472.578
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2017	9.046.401.612	256.834.467	2.287.948.058	-	337.906.158	11.929.090.295
31/12/2017	9.046.401.612	256.834.467	2.607.137.364	-	337.906.158	12.248.279.601

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng tại ngày 31/12/2017 là: 2.317.456.868 đồng.

(*) Năm 2017 do không có doanh thu cho thuê Trung tâm điều hành Vĩnh Phúc nên Công ty tạm ngừng trích khấu hao các tài sản tại khu vực này (trước đây Công ty cũng đã có văn bản xin ý kiến Cục thuế HN tuy nhiên không có phản hồi). Sang năm 2018 sau khi hoàn tất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Công ty sẽ hợp tác kinh doanh và có phát sinh doanh thu nên sẽ tiếp tục trích khấu hao.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, P. Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
- Hệ thống biển Quảng cáo Cầu Giấy - Ninh Bình	553.632.094	553.632.094	553.632.094	553.632.094
- Các hạng mục công trình khu dịch vụ Km171+500 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	2.451.337.811	2.451.337.811	1.536.489.175	1.536.489.175
- Trung tâm điều hành Vĩnh Phúc	9.800.000	9.800.000	-	-
	3.014.769.905	3.014.769.905	2.090.121.269	2.090.121.269

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 6	2.034.659.209	2.034.659.209	2.034.659.209	2.034.659.209
- Công ty CP Khoáng sản Xây dựng Bắc Trung Nam	3.606.814.673	3.606.814.673	1.947.999.597	1.947.999.597
- Công ty CP xây lắp công nghiệp Nam Định	15.059.961.619	15.059.961.619	-	-
- Công ty CP SUNCOM	3.143.232.000	3.143.232.000	-	-
- Công ty CP đầu tư và xây dựng Vina Asphalt	5.325.148.512	5.325.148.512	-	-
- Các đối tượng khác	2.326.334.687	2.326.334.687	1.723.574.182	1.723.574.182
	31.496.150.700	31.496.150.700	5.706.232.988	5.706.232.988

Tại thời điểm 31/12/2017, nợ phải trả tăng lên so với ngày 01/01/2017 do khoản phải trả cho đơn vị thi công dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi; phải trả Công ty CP xây lắp công nghiệp Nam Định thi công gói thầu 13A và phải trả Công ty CP Suncom và Công ty CP đầu tư và xây dựng Vina Asphalt thi công gói thầu A1.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, P. Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2017		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		31/12/2017	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp	337.808.436	5.828.265.802	5.828.265.802	4.117.080.540	4.117.080.540	2.048.993.698		
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	3.892.535.588	3.892.535.588	3.281.576.148	3.281.576.148	610.959.440		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	332.596.796	1.742.494.452	1.742.494.452	649.049.795	649.049.795	1.426.041.453		
- Thuế thu nhập cá nhân	5.211.640	104.697.531	104.697.531	97.916.366	97.916.366	11.992.805		
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	88.538.231	88.538.231	88.538.231	88.538.231	-		
Cộng	337.808.436	5.828.265.802	5.828.265.802	4.117.080.540	4.117.080.540	2.048.993.698		

Thuế và các khoản phải thu

	01/01/2017		Thuế GTGT đầu ra nộp thừa		Số đã được khấu trừ trong năm		31/12/2017	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	212.374.239	-	-	-	212.374.239	-	-	-
	212.374.239	-	-	-	212.374.239	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí Dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	725.080.820	1.058.753.952
	725.080.820	1.058.753.952

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	-	26.472.776
- Bảo hiểm y tế	-	33.084.765
- Bảo hiểm xã hội	-	191.155.420
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	14.704.340
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	804.571.925	88.942.691
+ Phải trả tiền cổ tức	804.571.925	-
+ Các khoản phải trả khác	-	88.942.691
	804.571.925	354.359.992

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	12.077.054.151	18.142.088.655	6.065.034.504	-
Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)						
Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	7.779.533.396	12.561.196.900	4.781.663.504	-
Vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn	-	-	4.297.520.755	5.580.891.755	1.283.371.000	-
	-	-	12.077.054.151	18.142.088.655	6.065.034.504	-

CÔNG TY CP DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, P. Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2016	89.372.500.000	900.534.341	-	-	5.589.033.126	95.862.067.467		
- Lãi trong năm	-	-	-	-	6.046.805.992	6.046.805.992		
- Trả cổ tức	-	-	-	-	(5.362.351.000)	(5.362.351.000)		
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(226.682.126)	(226.682.126)		
31/12/2016	89.372.500.000	900.534.341			6.046.805.992	96.319.840.333		
01/01/2017	89.372.500.000	900.534.341	-	-	6.046.805.992	96.319.840.333		
- Lãi trong năm	-	-	-	-	6.457.057.385	6.457.057.385		
- Phân phối lợi nhuận 2016	-	-	-	-	(5.809.212.500)	(5.809.212.500)		
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(237.593.492)	(237.593.492)		
31/12/2017	89.372.500.000	900.534.341			6.457.057.384	96.730.091.725		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	31/12/2017		01/01/2017	
	%	VND	%	VND
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	22,38%	20.000.000.000	22,38%	20.000.000.000
- Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	22,38%	20.000.000.000	22,38%	20.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thùy Dương	22,38%	20.000.000.000	22,38%	20.000.000.000
- Công ty CP Blue Point	11,19%	10.000.000.000	0,00%	-
- Công ty CP Tập đoàn Đông Đô	3,36%	3.000.000.000	3,36%	3.000.000.000
- Công ty CP Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt	0,00%	-	11,19%	10.000.000.000
- Ông Lương Quốc Việt	2,01%	1.800.000.000	2,01%	1.800.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư Tư nhân VINA	1,59%	1.417.500.000	1,70%	1.517.500.000
- Các cổ đông khác	14,72%	13.155.000.000	14,61%	13.055.000.000
	100%	89.372.500.000	100%	89.372.500.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và chia lợi nhuận:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	89.372.500.000	89.372.500.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	89.372.500.000	89.372.500.000
- Lợi nhuận đã chia	(5.041.733.125)	(5.224.189.903)

Cổ phiếu:

	31/12/2017	01/01/2017
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.937.250	8.937.250
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.937.250	8.937.250
+ Cổ phiếu phổ thông	8.937.250	8.937.250
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.937.250	8.937.250
+ Cổ phiếu phổ thông	8.937.250	8.937.250
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

Các Quỹ:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	900.534.341	900.534.341

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng	-	2.127.206.769
- Doanh thu hoạt động xây lắp	56.302.902.850	62.096.128.225
- Doanh thu dịch vụ	63.071.619.220	1.130.249.231
- Doanh thu hợp tác kinh doanh	-	4.662.910.836
	119.374.522.070	70.016.495.061
Doanh thu với các bên liên quan	44.019.505.470	40.424.916.516
+ Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	44.019.505.470	40.424.916.516

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	-	841.363.636
- Giá vốn hoạt động xây lắp	54.050.916.924	22.613.093.071
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	52.079.786.340	33.118.476.842
- Giá vốn hợp tác kinh doanh	-	2.756.618.279
	106.130.703.264	59.329.551.828

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.220.782.000	2.724.671.114
	2.220.782.000	2.724.671.114

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Chi phí lãi vay	65.818.077	47.413.895
	65.818.077	47.413.895

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	4.172.800.183	3.393.490.371
- Chi phí vật liệu quản lý	160.794.740	184.644.172
- Chi phí đồ dùng văn phòng	169.882.858	133.892.743
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	168.835.051	153.874.718
- Thuế phí, lệ phí	176.451.796	198.638.112
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.500.949.884	1.205.881.378
- Chi phí bằng tiền khác	566.043.229	528.181.044
	6.915.757.741	5.798.602.538

24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Thu phí chuyển nhượng cổ phần	3.454.545	-
- Thu nhập khác	-	1.909.576
	3.454.545	1.909.576

25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Chi phạt thuế và truy thu thuế	265.895.694	-
- Chi nộp phạt do vi phạm hợp đồng	37.485.000	-
	303.380.694	-

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.841.582.989	1.185.116.120
- Chi phí nhân công	28.863.512.671	17.287.717.886
- Chi phí công cụ dụng cụ	693.987.362	636.327.872
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	493.981.057	729.919.027
- Thuế, phí lệ phí	281.648.577	237.037.378
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.347.040.459	38.979.736.343
- Chi phí khác bằng tiền	1.078.158.316	6.072.299.740
	48.599.911.431	65.128.154.366

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.183.098.839	7.567.507.490
Các khoản chi phí không được khấu trừ	447.108.432	36.000.000
- Chi phí thù lao Hội đồng Quản trị không trực tiếp điều hành	36.000.000	36.000.000
- Chi phí phạt chậm nộp thuế và truy thu thuế	303.380.694	-
- Chi phí tiền lương chi quá thời hạn quyết toán thuế	107.727.738	-
Thu nhập tính thuế	8.630.207.271	7.603.507.490
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.726.041.454	1.520.701.498

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	6.457.057.385	6.046.805.992
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	-	(237.593.492)
Số bình quân giá quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	8.937.250	8.937.250
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	722	650

(*) Theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa trừ phần trích quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về tỷ lệ trích của quỹ này trong năm 2016. Trong năm 2017, căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 02/NQ-VECS ngày 31/03/2017, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận 2016 với giá trị là 237.593.492 đồng. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2016 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. Theo đó, chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” năm 2016 là 650 VND/Cổ phiếu (số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2016 là 677 VND/Cổ phiếu).

Ngoài ra trong năm 2017, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa trừ phần trích quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về tỷ lệ trích của quỹ này trong năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.15.

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.262.858.853	10.446.421.979
Các khoản đầu tư tài chính	32.000.000.000	23.900.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	66.228.727.823	49.377.934.875
	102.491.586.676	83.724.356.854
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ thuê tài chính	-	6.065.034.504
Phải trả người bán và phải trả khác	32.300.722.625	5.795.175.679
Chi phí phải trả	725.080.820	1.058.753.952
	33.025.803.445	12.918.964.135
Trạng thái ròng	69.465.783.232	70.805.392.719

Tại ngày 31/12/2017, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn. Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2017			
Vay và nợ thuê tài chính	-	-	-
Phải trả người bán ngắn hạn	32.300.722.625	-	32.300.722.625
Chi phí phải trả	725.080.820	-	725.080.820
	33.025.803.445	-	33.025.803.445
01/01/2017			
Vay và nợ thuê tài chính	6.065.034.504	-	6.065.034.504
Phải trả người bán ngắn hạn	5.795.175.679	-	5.795.175.679
Chi phí phải trả	1.058.753.952	-	1.058.753.952
	12.918.964.135	-	12.918.964.135

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.262.858.853	-	4.262.858.853
Các khoản đầu tư tài chính	27.000.000.000	5.000.000.000	32.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	61.309.663.359	4.919.064.464	66.228.727.823
	92.572.522.212	9.919.064.464	102.491.586.676
01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.446.421.979	-	10.446.421.979
Các khoản đầu tư tài chính	23.900.000.000	-	23.900.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	44.421.385.411	4.956.549.464	49.377.934.875
	78.767.807.390	4.956.549.464	83.724.356.854

Ban Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác. Các khoản tiền gửi ngân hàng được quản lý tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Đối với các khoản phải thu, Ban Giám đốc thiết lập chính sách tín dụng cụ thể thông qua việc phân tích tín nhiệm với các khách hàng để xác định các điều khoản thanh toán trong hợp đồng. Công ty đánh giá rủi ro tín dụng là thấp.

30. NHỮNG THÔNG CÁC BÊN LIÊN QUAN**Mối quan hệ với các bên liên quan****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường cao tốc Việt Nam

Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu với các bên liên quan	44.019.505.470	40.424.916.516
Tổng Công ty Phát triển đường Cao tốc Việt Nam	44.019.505.470	40.424.916.516
	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	847.357.957	1.118.895.135
- Lương và phụ cấp	847.357.957	1.118.895.135
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Khách hàng trả tiền trước	1.500.000.000	19.080.093.546
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	1.500.000.000	-
Phải thu khách hàng	-	9.540.046.773
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	-	9.540.046.773
Phải thu khác	11.486.708.082	4.631.599.492
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	11.486.708.082	4.631.599.492



CÔNG TY CP DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, P. Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu so sánh đã được điều chỉnh lại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 28 của Thuyết minh Báo cáo tài chính.



Bùi Thái Hòa
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Xuân Hoàng
Kế toán trưởng

Phạm Thị Hiền
Người lập

